



Nội dung: **THỰC HÀNH VỀ  
CHU VI, DIỆN TÍCH CÁC HÌNH**

Họ và tên: \_\_\_\_\_

Lớp : 5K\_\_\_\_\_

## CHẶNG 1: THU THẬP

**Luật tham gia:** Từ bài tập đã được yêu cầu thực hiện (3 bài).

- Sai 1 bài trừ 1\$
- Thiếu 1 bài trừ 2\$
- Đúng 1 bài cộng 1\$.

**Bài tập luyện tập 1:**

**Bài 1:**

a) Vẽ hình tam giác minh họa và viết công thức tính diện tích

b) Vẽ hình thang minh họa và viết công thức tính diện tích



**Bài 2:** Hình thang có tổng độ dài hai đáy bằng 24cm, đáy lớn hơn đáy bé 1,2cm; chiều cao kém đáy bé 2,4cm. Tính diện tích hình thang.

**Bài 3:** Tính diện tích hình thang có đáy lớn 54m, đáy bé bằng  $\frac{2}{3}$  đáy lớn và chiều cao bằng  $\frac{2}{3}$  đáy bé.



## CHẶNG 2: GIẢI MÃ

### SỐ PI RA ĐỜI NHƯ THẾ NÀO? TỰ MÌNH TÍNH SỐ PI?



### Dùng đồ vật có hình tròn, đo và tính các kích thước

- Xác định tâm của đáy
- Đo kích thước đường kính: .....
- Đo chu vi: .....
- Số Pi tính được: .....

### GHI NHỚ

Tính chu vi, diện tích hình tròn có một “số đặc biệt” được sử dụng có tên là: .....

Kí hiệu là: ..... Giá trị gần đúng, được sử dụng trong các bài tập: .....

Công thức tính chu vi hình tròn: .....

Công thức tính diện tích hình tròn: .....

Công thức tính đường kính hình tròn: .....

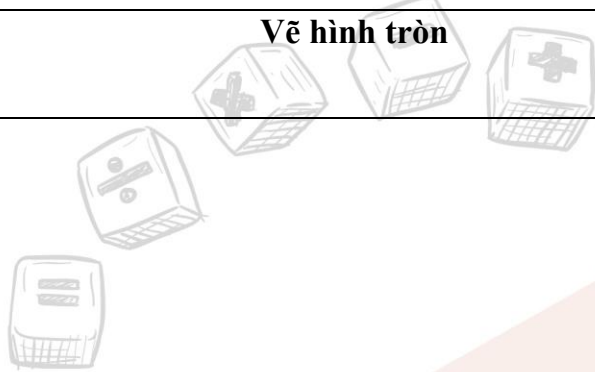
Công thức tính bán kính hình tròn: .....



## Bài tập tự luyện tập 2:

### Bài 1. Thực hiện bài tập ghép hình.

### Bài 2.

| Vẽ hình tròn                                                                      | Đo và tính toán (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai) |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
|  | Bán kính:<br>.....                                      |
|                                                                                   | Đường kính:.....                                        |
|                                                                                   | Chu vi:.....                                            |
|                                                                                   | Diện tích:.....                                         |

### Bài 3: Viết số thích hợp vào ô trống:

| Bán kính | Chu vi | Đường kính | Chu vi |
|----------|--------|------------|--------|
| 0,4cm    |        | 5dm        |        |
| 0,42dm   |        | 1,2cm      |        |

### Bài 4: Viết số thích hợp vào ô trống:

| Bán kính  | 2,3cm | 0,3dm | 0,25m |
|-----------|-------|-------|-------|
| Diện tích |       |       |       |

### Bài 5: Một bánh xe gắn máy có đường kính 75cm. Hỏi xe gắn máy sẽ đi được bao nhiêu mét nếu bánh xe lăn trên mặt đất được:

- 100 vòng
- 1000 vòng

### Bài 6: Bánh xe bé của một máy kéo có bán kính 0,5m. Bánh xe lớn của máy kéo đó có bán kính 1m. Hỏi khi bánh xe bé lăn được 10 vòng thì bánh xe lớn lăn được mấy vòng?



**Bài 7:** Một biển báo giao thông hình tròn có đường kính 40cm. Diện tích phần mũi tên trên biển báo bằng  $\frac{1}{5}$  diện tích của biển báo. Tính diện tích phần mũi tên?

### BÀI TEST NHANH .....

(Thời gian 7 - 10 phút)

Họ và tên:.....Lớp:.....Điểm:.....

**Câu 1.** Công thức tính bán kính hình tròn, biết chu vi C.



- A.  $C : d \times 2$       B.  $C : 3,14$       C.  $C : 3,14 : 2$       D.  $C : 3,14 \times 2$

**Câu 2.** Diện tích của hình tròn có bán kính 5 cm là .....  $cm^2$

- A. 75,8      B. 78,5      C. 87,5      D. 85,7

**Câu 3.** Công thức tính tổng hai cạnh đáy của hình thang.

- A.  $S \times 2 : h$       B.  $S \times 2 \times h$       C.  $S : 2 : h$       D.  $S : h$

**Câu 4.** Tính chu vi hình tròn có bán kính là 8 cm.

- A. 200,96      B. 25,12      C. 50,24      D. 100,48

**Câu 5.** Tính diện tích hình thang có đáy bé bằng chiều cao bằng 6 cm, đáy lớn 8,2 cm.

- A.  $42,6 cm^2$       B.  $85,2 cm^2$       C.  $49,2 cm^2$       D.  $20,2 cm^2$

**Câu 6.** Bánh xe có đường kính 80 cm. Bánh xe đi 100 vòng được đoạn đường .....

- A. 25,12 m      B. 251,2 m      C. 2512 m      D. 25120 m

**Câu 7.** Công thức tính diện tích hình tròn biết đường kính d.

- A.  $d : 2 \times 3,14$       B.  $d \times 2 \times 3,14$       C.  $d \times d : 2 \times 3,14$       D.  $d \times d : 4 \times 3,14$

**Câu 8.** Tính chiều cao tam giác có diện tích  $45,2 cm^2$  và đáy 8 cm.

- A. 5,65      B. 5,5      C. 2,825      D. 2,25